

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 368D, tổ 6, ấp 1B, xã P, huyện L, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 368D, tổ 6, ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi kết hôn, chị và anh N chuyển vào xã P, huyện L sinh sống đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân, do anh N không quan tâm đến gia đình, anh N làm nghề tài xế nên thường tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không phụ giúp chị chăm sóc con cái, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách nên thường xuyên cãi vã, khi vợ chồng cãi vã anh dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị, sống chung không hạnh phúc nên tháng 05/2020 chị đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ sống cùng con tại ấp 1B, xã P. Thời gian sống ly thân anh N có đến tìm chị để bàn bạc, hàn gắn đoàn tụ nhưng chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên không đồng ý hàn gắn.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 16/9/2013 và cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 06/01/2012, hai cháu hiện đang sống với chị tại nhà trọ. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu Thúy T, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện chị đang buôn bán quần áo tại Chợ mới P, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng, đủ khả năng để nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 11/9/2020, chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Văn N nhưng anh N không đến làm việc và cũng không đến tham dự phiên tòa nên không có lời khai.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D. Về con chung: Giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 16/9/2013 và cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 06/01/2012, tạm thời không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không xét. Án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không có mặt, ngày 11/9/2020 chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11 tháng 01 năm 2011) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh N không đến làm việc và không có lời khai nên Tòa không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh N đã thực sự trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, tự sống ly thân từ đầu tháng 5/2020 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh N.

[3]. Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Thị A, sinh ngày 16/9/2013 và cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 06/01/2012.

Xét thấy từ khi ly thân đến nay chị D là người trực tiếp nuôi hai cháu con chung, các cháu được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cháu A đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao cháu A và cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị D là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Chị D nuôi con không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Chị D khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị A, sinh ngày 16/9/2013 và cháu Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 06/01/2012 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn N vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh N có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003358 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị D đã nộp đủ án phí.

5- Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn N được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND h. Long Thành (1);
 - Chi cục THADS h. Long Thành (1);
 - UBND xã Đ, L
- GCNKH ngày 11/01/2011;
- Đương sự (2);
 - Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng